

Số: /TT-BTC

Hà nội, ngày tháng năm

Dự thảo số 1

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi một số khoản của Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số

22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Đăng ký dự thi

Người dự thi đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan để Cục Hải quan làm căn cứ tổ chức thi.”

2. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:

“b) Thông tin về thời gian, địa điểm nộp hồ sơ; thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi được Cục Hải quan thông báo chính thức trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan và gửi qua hộp thư điện tử của người đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan chậm nhất là 60 ngày trước ngày thi.”

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Nộp hồ sơ dự thi

a) Trong thời gian thông báo nêu tại khoản 3 Điều này, người dự thi phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi và phải nộp lệ phí thi theo thông báo của Hội đồng thi.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký dự thi, Cục Hải quan lập danh sách và công bố danh sách người đủ điều kiện dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan để người dự thi biết.”

4. Sửa đổi khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Cục Hải quan xây dựng quy chế thi, thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi tại các Chi cục hải quan khu vực hoặc theo cụm bao gồm một số Chi cục hải quan khu vực để tạo thuận lợi cho người dự thi.”

5. Sửa đổi khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Hình thức thi: Thi viết; trắc nghiệm; thực hành trên máy tính hoặc kết hợp giữa các hình thức thi trên. Căn cứ vào hình thức thi, Cục Hải quan quy định thời gian làm bài thi, nhưng không quá 120 phút/môn thi.”

6. Sửa đổi điểm b khoản 9 Điều 3 như sau:

“b) Trong thời hạn **21** ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Cục trưởng Cục Hải quan thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.

Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do Cục trưởng Cục Hải quan thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Cục Hải quan trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu của bưu chính nơi gửi. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng thi và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.

Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Cục trưởng Cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này."

2. Bổ sung khoản 10 Điều 3 như sau:

"10. Chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

a. Người dự thi phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi. Chi phí dự thi được nộp bằng tiền mặt hoặc thông qua thanh toán điện tử theo hướng dẫn của Hội đồng thi. Trường hợp người dự thi đã nộp chi phí dự thi nhưng bỏ thi thì không được hoàn trả lại khoản chi phí đã nộp.

b. Hội đồng thi xây dựng dự toán chi phí tổ chức kỳ thi đúng quy định theo nguyên tắc lấy thu bù chi. Dự toán chi phí tổ chức thi phải được Cục Hải quan phê duyệt.

c. Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ tình hình thực tế ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức kỳ thi."

Điều 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau:

"2. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03 ban hành kèm Thông tư này.

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan gửi hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này*
- Quyết định tuyển dụng công chức: 01 bản sao công chứng.*
- Quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc xếp chuyển ngạch hoặc Quyết định nâng bậc lương có thể hiện ngạch công chức đáp ứng quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều này: 01 bản sao công chứng.*
- Quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc: 01 bản sao công chứng.*
- 01 ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ có ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau của ảnh.*

b.2) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hải quan kiểm tra thông tin về hồ sơ cán bộ lưu giữ tại Cục Hải quan, đối chiếu với điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này để xem xét việc cấp Chứng chỉ nghiệp

vụ khai hải quan theo Mẫu số 03A ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện.”

Điều 3. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau:

1. Sửa đổi khoản 2, khoản 2 Điều 6 như sau:

“1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ gồm:

*a) Văn bản đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo **Mẫu số 04** ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;*

*b) Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại **điểm b, điểm c** khoản 1 Điều 9 Thông tư này.*

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 05 ban hành kèm Thông tư này, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, *trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.”*

2. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Khi thay đổi tên, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị gửi Cục Hải quan để sửa đổi trên Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan và cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.”

Điều 4. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 và điểm b1, điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau:

1. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 như sau

“b) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn tối đa 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này theo Mẫu số 06A ban hành kèm Thông tư này.

Trường hợp Chi cục Hải quan khu vực trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm quy định tại tiết a.1, tiết a.2 và tiết a.3 điểm a khoản này thì báo cáo Cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này.

Trường hợp đại lý làm thủ tục Hải quan đề nghị tạm dừng hoạt động thì có công văn gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo Mẫu số 04 ban hành kèm Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của

Chi cục Hải quan khu vực, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

c) Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan khắc phục và có công văn đề nghị tiếp tục hoạt động gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức thực hiện kiểm tra, xác minh điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp và ban hành quyết định cho phép đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động theo Mẫu 06B ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do nếu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 7 như sau:

a. Sửa đổi, bổ sung điểm b.1 khoản 2 như sau:

“b.1) Đối với các trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.3 và tiết a.6 điểm a khoản này, trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra, phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, cơ quan Hải quan các cấp báo cáo Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này. Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Đối với trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.4 và tiết a.5 điểm a khoản này, khi phát hiện vi phạm thì Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này.”

b. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị chấm dứt hoạt động thì có công văn gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

“c) Người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực hoặc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định xử phạt;”

Điều 6. Sửa đổi Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau:

“Điều 9. Thủ tục cấp và gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 07 ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;

b) Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 bản chụp;

c) *Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: 01 bản chụp. Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp sau năm 2019 thì không phải nộp chứng từ này.*

Trường hợp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì trên mẫu đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải khai thông tin giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều này.

d) Các chứng từ trong hồ sơ cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này là chứng từ của từng nhân viên thuộc danh sách đề nghị cấp mã số. Các chứng từ phải đảm bảo đúng quy định về giao dịch điện tử (tính toàn vẹn thông tin và khuôn dạng chứng từ), được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp đối với từng chứng từ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gửi đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục trưởng Cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp không đủ điều kiện thì có trả lời doanh nghiệp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng của người được cấp và có giá trị trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn trên, để tiếp tục làm nhân viên đại lý hải quan thì đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

a.2) Đã tham gia khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày) do các trường cao đẳng, đại học, học viện có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương

trình đào tạo với Cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức thực hiện cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho Cục Hải quan về danh sách học viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bao gồm các chỉ tiêu thông tin theo yêu cầu của Cục Hải quan để phối hợp thực hiện các thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

b) Trước khi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hết thời gian sử dụng, Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, gồm: Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; có thay đổi thông tin về số căn cước công dân đã nộp tại hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì khai bổ sung thông tin thay đổi về số căn cước công dân trên mẫu đơn số 07.

Các chứng từ phải đảm bảo đúng quy định về giao dịch điện tử (tính toàn vẹn thông tin và khuôn dạng chứng từ), được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp đối với từng chứng từ.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục Hải quan hoặc trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Thời gian gia hạn là 03 năm kể từ ngày gia hạn.

4. Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp:

a.1) Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh;

a.2) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân;

b) Đại lý làm thủ tục hải quan có đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được thay đổi theo số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị cấp lại mã số."

Điều 7. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp trong các trường hợp sau:

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

c) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện cấp mã số mới theo quy định tại Thông tư này;

đ) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động;

e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số thuộc trường hợp này phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) Đại lý làm thủ tục hải quan có Đơn đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo Mẫu số 07C ban hành kèm theo Thông tư này đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Đơn đề nghị được gửi đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh trường hợp phải thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

b) Trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, Chi cục Hải quan khu vực báo cáo Cục Hải quan để thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Chi cục Hải quan khu vực hoặc thông báo của các cơ quan quản lý nhà nước khác, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp ban hành quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo đề nghị của đại lý làm thủ tục hải

quan thì trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp ban hành quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo đề nghị của Chi cục Hải quan khu vực hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác thì gửi quyết định thu hồi mã số cho đại lý làm thủ tục hải quan qua bưu chính.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

“4. Đề nghị Cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không thông báo.”

Điều 9. Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 12 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau:

“1. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được Cục trưởng Cục Hải quan cấp sẽ được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan. Trường hợp việc khai hải quan thực hiện bằng phương thức điện tử; cơ quan hải quan sẽ cấp tên người sử dụng và mật khẩu cho người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để truy cập vào hệ thống. Người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin do cơ quan hải quan cung cấp. Khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải xuất trình mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.”

Điều 10. Sửa đổi bổ sung khoản 1, khoản 5, khoản 9 Điều 13 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Quản lý, sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để tiến hành các công việc khai báo và làm thủ tục hải quan trong phạm vi được chủ hàng ủy quyền; Chịu trách nhiệm về việc giới thiệu, đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; đăng ký thông tin mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để cơ quan hải quan cấp tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.”

2. Sửa đổi khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Thông báo cho Cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động.”

3. Sửa đổi khoản 9 Điều 13 như sau:

“9. Đại lý làm thủ tục hải quan có trách nhiệm:

a) Định kỳ vào ngày 05 của tháng đầu quý sau, báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 10 ban hành kèm Thông tư này gửi Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa bàn đăng ký kinh doanh. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không báo cáo đúng thời hạn quy định sẽ bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

b) Báo cáo, đề nghị Cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh.”

Điều 11. Sửa đổi bổ sung khoản 5, khoản 7, khoản 9, khoản 10 Điều 15 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau:

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 15 như sau:

“5. Xây dựng chương trình, tài liệu, đề cương ôn tập của các môn thi quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan; Tổ chức thi và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho người dự thi.”

2. Sửa đổi khoản 7 Điều 15 như sau:

“7. Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan các thông tin bao gồm:

a) Kết quả kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

b) Danh sách doanh nghiệp được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp mã số; Danh sách đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động; nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ, bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Nội dung đăng tải gồm: Tên đại lý làm thủ tục hải quan, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế, năm thành lập, số điện thoại, người đại diện theo pháp luật, danh sách nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, mã số nhân viên và các thông tin cần thiết khác có liên quan.”

3. Sửa đổi khoản 9 Điều 15 như sau:

“9. Chi cục Hải quan khu vực tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý khi phát sinh các nội dung báo cáo tại điểm 2, điểm 3, điểm 4 và điểm 5 Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan để tổng hợp theo dõi vào trước ngày 10 của tháng đầu quý sau hoặc khi phát hiện đại lý làm thủ tục hải quan vi phạm quy định tại Thông tư này.”

4. Sửa đổi khoản 10 Điều 15 như sau:

“10. Ngay sau khi tờ khai hải quan được đăng ký trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan hải quan cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan cho đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng trong trường hợp chủ hàng hóa có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Cục trưởng Cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan hải quan và doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.”

Điều 12. Sửa đổi bổ sung Điều 18 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 như sau:

“Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan hải quan các cấp chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn nội dung Thông tư này tới chủ hàng và đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý

2. Tổ chức, cá nhân, đại lý làm thủ tục hải quan thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính (Cục Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau:

1. Thay thế Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 79/2022/TT-BTC bằng Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung Mẫu số 03A ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thay thế Mẫu số 05, mẫu số 09 được ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC bằng Mẫu số 05, Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này

4. Thay thế Mẫu số 04, Mẫu số 06, Mẫu số 06A, Mẫu số 06B, Mẫu số 07, Mẫu số 07C, Mẫu số 10, Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC bằng Mẫu số 04, Mẫu số 06, Mẫu số 06A, Mẫu số 06B, Mẫu số 07, Mẫu số 07C, Mẫu số 10, Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bãi bỏ các biểu mẫu: Mẫu số 07A, mẫu số 07B, mẫu số 08, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng ... năm 2025.
2. Thông tư này bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
4. Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Chi cục Hải quan các khu vực;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Cục Hải quan;
- Lưu: VT; CHQ (20).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

**ĐƠN VỊ CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN)
CHỨNG NHẬN

Họ và tên: (Họ và tên người được chứng nhận)

Sinh ngày:

Số CCCD cấp ngày tại

Đã hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan dành cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... tại

Số QĐ cấp chứng nhận: ... ngày.....

Số vào sổ:

Số hiệu:/201../GCN-....

....., ngày... tháng... năm 20...
TM. ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ảnh 3 x 4 cm

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-CHQ ngày ... tháng năm về việc thành lập Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

- Căn cứ Quyết định số..... ngày của về việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho thí sinh đạt yêu cầu tại kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm Tổ chức tại ...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

- Sinh ngày:/...../.....

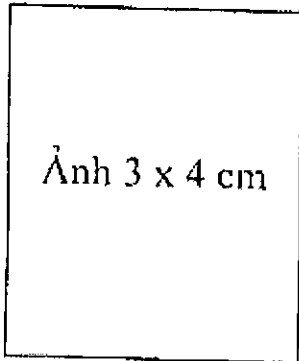
- Số CCCD..... cấp ngày..... tại

Số:
Ngày... tháng... năm ...

Hà Nội, ngày/...../.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03A

CỤC HẢI QUAN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng.... năm.... của
..... về việc nghỉ hưu/nghỉ việc/chuyển công tác đối với ông
(bà)...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai Hải quan cho ông
(bà):.....
- Sinh ngày:/...../.....
- Số CCCD..... cấp ngày..... tại

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

Số:

Ngày ... tháng ... năm ...

Hà Nội, ngày/...../.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....
V/v đề nghị công nhận hoạt động
đại lý làm thủ tục Hải quan

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hải quan.

Tên doanh nghiệp:

Loại hình doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số/2025/TT-BTC ngày/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công tytự xét thấy đã đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 20 Luật Hải quan và Thông tư dẫn trên, cụ thể:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xác nhận có ngành nghề:

2. Nhân viên đủ điều kiện cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:..... người, cụ thể:

2.1. Họ và tên:Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD: cấp ngày..... tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo¹ ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

2.2. Họ và tên: Sinh ngày:

¹ Thông tin tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD: cấp ngày tại
 - Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo² ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:.....; nơi cấp bằng:.....
 - Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp
 - Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....
3. Hạ tầng công nghệ thông tin:
4. Điều kiện về cơ sở hạ tầng, kho, bãi, phương tiện vận tải (nếu có):
- Đề nghị Cục Hải quan xác nhận Công ty đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

GIÁM ĐỐC ĐẠI LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Thông tin tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan gửi kèm công văn số ngày .../.../..... của Công ty

Xét đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận:

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp nơi cấp

Đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện pháp luật (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực,..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT,... (3b).

Mẫu số 06

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUANCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan
CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN**

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của (Chi cục Hải quan khu vực hoặc doanh nghiệp) về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày cấp..... nơi cấp

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số... ngày.... của (Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Hải quan) về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 3.** Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi Cục trưởng

Chi cục Hải quan khu vựcchịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ...(3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ- CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của (Chi cục Hải quan khu vực hoặc doanh nghiệp) về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày cấp nơi cấp

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số... ngày của(Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Hải quan) về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này, nếu đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục và có văn bản đề nghị tiếp tục hoạt động, Cục Hải quan ban hành Quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp) , Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số ngày của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số ngày của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xem xét hồ sơ gửi kèm công văn số về việc đề nghị tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp); và

Kết quả kiểm tra điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với (doanh nghiệp).....

Xét đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày cấp nơi cấp

Đủ điều kiện tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

.....(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp)....., Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chỉ cục trưởng Chỉ cục Hải quan khu vựcchịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/GIA HẠN/CẤP LẠI³ MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN**

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số/2025/TT-BTC ngày/....../2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Căn cứ hợp đồng lao động số ngày/...../..... giữa doanh nghiệp với ông (bà)

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công tytự xét thấy ông (bà) đã đáp ứng đủ các điều kiện về nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 20 Luật Hải quan và các Thông tư dẫn trên. Do vậy, Công ty đề nghị Cục Hải quan xem xét **cấp/ gia hạn, cấp lại**⁴ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD: cấp ngày tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo⁵ ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:.....; nơi cấp bằng:....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

2/ Họ và tên: Sinh ngày:

³ Doanh nghiệp chọn điền tên thủ tục hành chính cần thực hiện

⁴ Doanh nghiệp chọn điền tên thủ tục hành chính cần thực hiện

⁵ Điền tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD: cấp ngày
tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo⁶ ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:.....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

3/ ...

Lý do đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:⁷

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

**.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁶ Điền tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

⁷ Điền lý do đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 07C

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số/2025/TT-BTC ngày/..../2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan xem xét thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp cho các ông bà cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Sinh ngày:

Mã số nhân viên đại lý hải quan: cấp ngày

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan:

2/ Họ và tên: Sinh ngày:

Mã số nhân viên đại lý hải quan: cấp ngày

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan:

3/...

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUANCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan****CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số .../2025/TT-BTC ngày .../.../2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét công văn đề nghị của doanh nghiệp hoặc
Chi cục Hải quan khu vực về việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (nếu có);

Xét đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

Ông (bà);

Mã số: cấp ngày/...../.....

Là nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp)

Lý do thu hồi:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 Quyết định này, Giám đốc (doanh nghiệp)....., Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN
(Quý .../20...)

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực....

Tên Đại lý Hải quan:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

TT	Loại hình XNK	Số lượng DN ký hợp đồng	Số lượng tờ khai	Kim ngạch (USD)	Tiền thuế		
					XNK	GTGT	Thuế khác
1							
2							

1. Các công việc được ủy quyền:

2. Tình hình vi phạm pháp luật thuế, hải quan, pháp luật khác (số vụ, hành vi)
(kể cả hành vi vi phạm pháp luật do chủ hàng thực hiện):

3. Thay đổi về điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

- Thay đổi tên/ địa chỉ đăng ký kinh doanh: (nếu có)

- Thay đổi về nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan: (nếu có)

- Thay đổi về ngành nghề đăng ký kinh doanh; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin: (nếu có).....

4. Vướng mắc và kiến nghị:

- Về chính sách XNK ...;

- Về chính sách thuế ...;

- Về thủ tục hải quan ...;

- Về hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan ...;

- Về phối hợp, hợp tác giữa Hải quan- đại lý làm thủ tục hải quan - chủ hàng: ...;

5. Những kiến nghị khác:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

GIÁM ĐỐC ĐẠI LÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

- Căn cứ Luật Hải quan;
- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số/2025/TT-BTC ngày/....../2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan xem xét cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Họ tên: Nam/nữ:

Ngày sinh:

Số CCCD: cấp ngày:

tại

Địa chỉ nhận chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:.....; Số điện thoại:.....

Ngạch công chức:

Thời gian, quá trình công tác trong ngành hải quan (ghi rõ thông tin các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch công chức, nâng ngạch, chuyển công tác và quá trình công tác):

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc (nếu có, ghi rõ thông tin về Quyết định kỷ luật):

Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác:

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị tạm dừng/chấm dứt
hoạt động đại lý làm thủ tục hải
quan

Kính gửi: Cục Hải quan.

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số .../2025/TT-BTC ngày/...../2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Công ty đã được công nhận đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số..... ngày..... Nay Công ty đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng/ chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với công ty.

Lý do tạm dừng/ chấm dứt:

Đề nghị Cục Hải quan xem xét giải quyết theo quy định./.

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Số: /TTr-CHQ

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015, Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Hải quan kính trình Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 26/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính đã rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đặc biệt là các quy định liên quan đến điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính. Bên cạnh các giải pháp cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Chính phủ mà Bộ Tài chính đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đối với các quy định thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính thì ngày 09/7/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2421/QĐ-BTC phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính năm 2025.

Theo đó, tại Điều 2 Quyết định số 2421/QĐ-BTC ngày 09/7/2025, Bộ Tài chính giao Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi thẩm quyền được phân công có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị thuộc Bộ chủ

động phát hiện và kịp thời trình bộ về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính có quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ **theo trình tự, thủ tục rút gọn** để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định này.

Trong lĩnh vực hải quan, tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với 10 thủ tục hành chính về đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 30/01/2015, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 12/2015/TT-BTC quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan. Trong quá trình triển khai thực hiện, nhằm đảm bảo công tác quản lý của cơ quan hải quan đồng thời triển khai thực hiện các yêu cầu về cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, một số điều của Thông tư đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 (Thông tư số 79/2022/TT-BTC sửa 03 biểu mẫu được ban hành tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC nhằm điều chỉnh thông tin liên quan đến số căn cước công dân theo Đề án 06). Các Thông tư trên được ban hành đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch của quy định pháp luật về quản lý, phát triển hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đồng thời đẩy mạnh việc cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ. Qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là bổ sung nguồn lực thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng chuyên nghiệp.

Qua 10 năm triển khai thực hiện Thông tư số 12/2015/TT-BTC, 06 năm thực hiện Thông tư 22/2019/TT-BTC, về cơ bản các quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC và Thông tư số 22/2019/TT-BTC được thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Chính phủ đã có rất nhiều chỉ đạo về cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh. Theo đó, nhiều cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước (ví dụ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, cơ sở dữ liệu về đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan) cũng từng bước được chuẩn hóa, chia sẻ để cắt giảm các chứng từ khi thực hiện thủ tục hành chính.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành

Dự thảo Thông tư được xây dựng và ban hành để quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý

thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; kịp thời thống nhất các nội dung trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mô hình hải quan thông minh, hải quan số và Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030; đồng thời đơn giản hoá, đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung và tương thích với các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan.

2. Quan điểm xây dựng

Các nội dung tại dự thảo Thông tư đã bám sát các chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP, phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC ngày 09/7/2025, giải quyết được vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể:

Thứ nhất, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Thứ hai, sửa đổi đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC ngày 09/7/2025, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quan điểm chỉ đạo của Chính phủ.

Thứ ba, tháo gỡ vướng mắc khó khăn về kinh phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Căn cứ quy định tại Điều 39 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, Cục Hải quan đã phối hợp với các đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Xây dựng dự thảo Thông tư, dự thảo Tờ trình và hồ sơ kèm theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 187/NĐ-CP dẫn trên.

2. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của một số Bộ, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp Logistics Việt Nam, Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam đối với dự thảo Thông tư tại công văn số/BTC-CHQ ngày

3. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan thuộc Cục Hải quan, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính đối với dự thảo Thông tư tại công văn số/CHQ-GSQL ngày

4. Đăng tải dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử Cục Hải quan, Bộ Tài chính tại văn bản số/CHQ-GSQL ngày để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân

5. Dự thảo Thông tư đã lấy ý kiến của các đơn vị thuộc Bộ và Văn phòng Bộ về thủ tục hành chính tại công văn số/CHQ-GSQL; Văn phòng Bộ có công văn số/VP-CCHC ngày..... liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, thực thi thủ tục hành chính.

6. Ngày, Cục Hải quan có văn bản số/CHQ-GSQL đề nghị Vụ Pháp chế - Bộ TC thẩm định hồ sơ dự thảo Thông tư.

Ngày, Vụ Pháp chế có báo cáo thẩm định số/PC-PCT hồ sơ dự thảo Thông tư.

7. Trên cơ sở ý kiến đánh giá về thủ tục hành chính của Văn phòng Bộ và ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế Bộ, Cục Hải quan đã chỉ đạo với các đơn vị liên quan của Cục, tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu giải trình theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

8. Ngày, Cục Hải quan đã có tờ trình số lấy ý kiến của Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính (trình kèm bản tiếp thu giải trình ý kiến của Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính).

IV. BỐ CỤC, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, KỸ THUẬT SOẠN THẢO DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 14 Điều. Trong đó:

- Điều 1 đến Điều 12:

+ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (**6 điều**);

+ Thay thế, sửa đổi về tên gọi đơn vị hành chính, tên chức danh nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp (**6 điều**).

- **Điều 13:** Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Điều 14:** Điều khoản thi hành.

2. Phạm vi điều chỉnh của Thông tư:

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3. Về kỹ thuật soạn thảo:

Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 **gồm 18 Điều**, tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC đã sửa đổi, bổ sung 11 Điều và 04 biểu mẫu; bổ sung 03 biểu mẫu.

Như vậy, tổng thể các điều quy định về thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đang quy định tại Thông tư 12/2015/TT-BTC và Thông tư số 22/2019/TT-BTC giữ nguyên là **18 Điều**.

Và hiện tại dự thảo Thông tư đã sửa đổi, bổ sung **12 Điều** của cả 2 Thông tư 12/2015/TT-BTC và 22/2019/TT-BTC và các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư, **trong đó có 06 Điều sửa đổi, bổ sung về nội dung** theo hướng bổ sung thêm chỉ tiêu thông tin trên các biểu mẫu để cung cấp thông tin thay thế các chứng từ phải nộp trong hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính; đối với 06 điều còn lại, gồm Điều 5 (sửa đổi Điều 8), Điều 8 (sửa đổi Điều 11), Điều 9 (sửa đổi Điều 12), Điều 10 (sửa đổi Điều 13), Điều 11 (sửa đổi Điều 15) và Điều 12 (sửa đổi Điều 18) chỉ sửa đổi về tên gọi đơn vị hành chính, tên chức danh nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp.

Do dự thảo Thông tư là sửa 2 Thông tư, gồm Thông tư số 12/2015/TT-BTC và Thông tư 22/2019/TT-BTC, đồng thời bãi bỏ Thông tư số 79/2022/TT-BTC trong khi quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn không có quy định cụ thể về kỹ thuật xây dựng đối với trường hợp này, vì vậy để thuận tiện trong việc tra cứu và hợp nhất văn bản, dự thảo Thông tư sẽ soạn thảo theo hướng lấy Thông tư số 12/2015/TT-BTC làm gốc và sửa đổi từng Điều của Thông tư này theo mẫu số 23 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

V. NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ:

Căn cứ quan điểm, nguyên tắc nêu tại mục III dẫn trên, nội dung sửa đổi, bổ sung 02 thông tư đảm bảo các vấn đề: (i) đơn giản thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; (ii) đảm bảo yêu cầu quản lý; (iii) giải quyết các vướng khó khăn trong quá trình thực hiện. Cục Hải

quan xin báo cáo Lãnh đạo Bộ các nội dung lớn tập trung vào 2 nhóm vấn đề: (i) *Tạo thuận lợi, cắt giảm thủ tục hành chính* (ii) *đảm bảo công tác thực thi quy định hiện hành*, cụ thể:

1. Nhóm nội dung sửa đổi, bổ sung quy định nhằm thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC (06 Điều quy định liên quan đến 10 thủ tục hành chính).

Để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo các phương án đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, Cục Hải quan đã thực hiện rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính liên quan đến nhóm đại lý làm thủ tục hải quan, cụ thể như sau:

a) Quy định hiện hành và thực trạng triển khai thực hiện:

- Về hồ sơ: Theo từng thủ tục hành chính, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục có thể phải nộp cho cơ quan hải quan bộ hồ sơ từ 2-7 loại chứng từ sau:

- + Văn bản đề nghị thực hiện thủ tục hành chính: 01 bản chính
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp
- + Bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học chuyên ngành Luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 bản chụp
- + Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: 01 bản chụp
- + Giấy chứng nhận đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan: 01 bản chụp
- + Căn cước công dân: 01 bản chụp
- + Ảnh để in thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

- Về phương thức tiếp nhận hồ sơ: Hiện nay, Cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ theo 02 phương thức, (i) qua dịch vụ công trực tuyến, (ii) hồ sơ giấy qua bộ phận một cửa của Cục Hải quan (gồm: tiếp nhận, trả kết quả trực tiếp và tiếp nhận, trả kết quả qua bưu chính).

- Về thời gian thực hiện thủ tục hành chính: Tùy theo thủ tục hành chính, thời gian thực hiện thủ tục là 5 ngày làm việc đối với thủ tục công nhận/tạm dừng/ chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, cấp/ cấp lại/ thu hồi mã số nhân viên ĐLHQ; 03 ngày làm việc đối với thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; riêng thủ tục tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan do phải kiểm tra thực tế điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp nên có thời gian thực hiện là 15 ngày.

- Về chi phí: Việc xử lý thủ tục hành chính có phát sinh chi phí (chi phí in thẻ nhân viên đại lý hải quan, chi phí trả kết quả qua dịch vụ bưu chính); Tuy nhiên, cơ quan hải quan không thực hiện thu phí từ doanh nghiệp.

b) Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC:

Tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính về đại lý hải quan theo đúng Nghị quyết số 66/NQ-CP là cắt giảm 30% thành phần hồ sơ, thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính, bao gồm:

- Cắt giảm chứng từ thuộc hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính;
- Chỉ tiếp nhận và trả kết quả xử lý thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến
- Giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính từ 5 ngày thành 3,5 ngày; từ 3 ngày thành 2,1 ngày; từ 15 ngày thành 10,5 ngày

c) Đề xuất

Trên cơ sở kết quả rà soát đánh giá quy định hiện hành, thực tế triển khai, cơ sở dữ liệu hiện có của Cục Hải quan và Bộ Tài chính, Cục Hải quan đề xuất sửa đổi các quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC theo hướng:

- Sửa đổi các mẫu văn bản đề nghị thực hiện thủ tục hành chính để doanh nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin của doanh nghiệp thay cho các chứng từ phải nộp;

- Cắt giảm các chứng phải nộp khi Bộ Tài chính, Cục Hải quan đã có hoặc được chia sẻ cơ sở dữ liệu, thông tin của chứng từ đó, bao gồm:

- + Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp: Hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, trong đó có điều kiện về ngành nghề đăng ký kinh doanh. Do vậy, khi thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan, thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan thì doanh nghiệp phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan hải quan; cơ quan hải quan phải tra cứu thông tin trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, thực tế trong thời gian vừa qua thì việc tra cứu thông tin trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh của Cục Hải quan gặp khó khăn do nhiều thời điểm không tra cứu được hoặc có thời điểm tra cứu phải trả phí. Theo đó, trường hợp được Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể chia sẻ quyền tra cứu, sử dụng thông tin trên Cổng Thông tin đăng ký kinh doanh thì có thể bãi bỏ chứng từ này.

- + Thông tin về chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: Hiện Cục Hải quan đã có đầy đủ dữ liệu, thông tin chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp từ năm 2019 đến nay; đối với chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp trước năm 2019, do hạn chế về cơ sở dữ liệu trước đây thực hiện theo hồ sơ giấy, qua nhiều đơn vị/ cán bộ phụ trách/ thay thế nên chưa thu thập đủ thông tin.

+ Thông tin về Giấy chứng nhận đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan: Thông tư đã quy định các Trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan phải thông báo cho Cục Hải quan danh sách học viên được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học. Theo đó, Cục Hải quan đã có đủ cơ sở dữ liệu này.

+ Thông tin về căn cước công dân: Theo quy định hiện hành tại Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC thì doanh nghiệp không phải nộp căn cước công dân sau khi Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được đưa vào vận hành. Hiện Cục Hải quan đang triển khai thủ tục đầu tư dự án Cổng kết nối CSDLQG về dân cư, dự án đang trong giai đoạn lấy báo giá; Khi Cổng kết nối CSDLQG về dân cư được hoàn thiện và đưa vào vận hành (dự kiến trước ngày 01/5/2026), thì Cục Hải quan có thể khai thác, sử dụng dữ liệu từ CSDLQG về dân cư để thay thế cho các thông tin cần xác thực trên căn cước công dân khi giải quyết TTHC.

+ Ảnh để in thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan: Do thay đổi phương thức tiếp nhận và trả kết quả xử lý thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Kết quả trả cho doanh nghiệp là văn bản điện tử của hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Doanh nghiệp sử dụng kết quả, thông tin được cấp để thực hiện các thủ tục hải quan điện tử. Theo đó, Cục Hải quan cho rằng không cần thiết phải cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan (thẻ vật lý) như hiện nay và sẽ không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp ảnh để in thẻ nhân viên ĐLHQ.

Như vậy, tùy theo thủ tục hành chính, bộ hồ sơ có thể được cắt giảm từ 01-05 (trên tổng số 02-07) loại chứng từ. Vượt tỷ lệ cắt giảm về thành phần hồ sơ mà Chính phủ yêu cầu.

- Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: Sửa đổi các quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Quyết định 2421/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo hướng giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính từ 5 ngày thành 3 ngày; từ 3 ngày thành 2 ngày; từ 15 ngày thành 10 ngày (tương đương với giảm 33% thời gian xử lý TTHC).

Riêng thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc đáp ứng **điều kiện**¹ quy định để đáp ứng việc cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày thành 03 ngày như phương án đã phê duyệt thì phải bổ sung chứng từ thuộc bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính. Do quy định hồ sơ hiện hành chỉ có đơn đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan với một số chỉ tiêu thông tin trên đơn. Để có cơ sở cấp chứng chỉ, đơn vị tham mưu phải thực hiện xác minh tại đơn vị công tác trước khi công chức nghỉ hưu, nghỉ việc để có cơ sở báo cáo

¹ Các điều kiện gồm: có tối thiểu 09 năm công tác liên tục, giữ ngạch từ Kiểm tra viên hải quan trở lên, không thuộc trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc, có đơn đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu, nghỉ việc.

Cục trưởng cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính (rút ngắn 02 ngày so với hiện hành) thì cần thiết phải giảm bước thực hiện (bước xác minh thông tin tại đơn vị công tác trước đây của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ), do vậy, Cục Hải quan đề xuất bổ sung quy định cá nhân cung cấp thêm một số chứng từ nhằm xác định đủ điều kiện được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Theo đó, dự kiến sẽ phải bổ sung thêm 03 loại chứng từ khi thực hiện thủ tục hành chính này để đủ cơ sở thông tin cho việc kiểm tra xác định điều kiện được thực hiện ngay mà không phải thực hiện xác minh. Việc xác minh sẽ được thực hiện sau khi cấp chứng chỉ nếu cần thiết.

2. Bổ sung quy định về kinh phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan để bổ sung cơ sở pháp lý, giải quyết vướng mắc khi tổ chức thực hiện sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

a) Quy định hiện hành:

Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2015/TT-BTC quy định về việc tổ chức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Nội dung quy định tại Điều này bao gồm:

“(1) Hồ sơ dự thi, (2) Đăng ký dự thi, (3) Thời gian, địa điểm thi, (4) Nộp hồ sơ dự thi, (5) Các môn thi, (6) trường hợp miễn thi, (7) Hình thức thi), (8) Kết quả thi, (9) Giao Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) xây dựng quy chế thi, thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi.

b) Vướng mắc:

Từ năm 2011 đến năm 2018, Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo hình thức thi trắc nghiệm kết hợp tự luận trên giấy. Từ năm 2019 đến năm 2024, căn cứ chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc và trực thuộc, Tổng cục Hải quan giao Trường Hải quan Việt Nam chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu và tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Trong 05 năm thực hiện nhiệm vụ, Trường Hải quan Việt Nam đã tổ chức 10 kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính. Theo đó, Trường Hải quan Việt Nam đã sử dụng cơ sở vật chất của Trường (địa điểm, phòng học, hệ thống máy tính, phần mềm tự phát triển) để tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ hải quan; chi phí tổ chức kỳ thi được vận dụng theo Quyết định số 1486/QĐ-BTC ngày 16/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức các kỳ thi tuyển dụng, nâng ngạch cán bộ, công chức và thi cấp chứng chỉ của Bộ Tài chính. Các thí sinh dự thi nộp lệ phí khi đăng ký dự thi theo mức 200.000 đồng/ 1 môn thi; mức lệ phí này được áp dụng từ năm 2011 đến nay.

Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, Trường Hải quan Việt Nam không còn trong cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan mà được sáp nhập với Trường Bồi dưỡng cán bộ kinh tế - tài chính.

Theo đó, nhiệm vụ tham mưu tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan của Cục Hải quan được phân công cho đơn vị khác thuộc Cục. Tuy nhiên, đơn vị thuộc Cục Hải quan không có cơ sở vật chất (địa điểm, hệ thống máy tính, phần mềm), khi tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan thì sẽ phải thuê cơ sở vật chất và phần mềm **thi trên máy tính**²; theo đó, với mức lệ phí thi 200.000 đồng/ môn thi như trước thì không đủ chi phí để tổ chức kỳ thi (do chi phí để thuê phần mềm và địa điểm có máy tính tương đối cao); Nguồn NSNN giao cho Cục Hải quan hàng năm không bao gồm chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

c) Căn cứ xem xét, đề xuất

(i) Để xử lý vướng mắc về kinh phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, Cục Hải quan đã xin ý kiến của Cục Kế hoạch – Tài chính và được phản hồi tại công văn số 915/KHTC-TC ngày 01/8/2025 như sau:

“Tại Điều 1 Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức các kỳ thi tuyển dụng, nâng ngạch cán bộ, công chức và thi cấp chứng chỉ của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-BTC ngày 16/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Quy chế 1486) quy định: *Phạm vi áp dụng: Quy chế này quy định công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thi... và cấp các loại chứng chỉ khác do Bộ Tài chính tổ chức... (khoản 1); Đối tượng áp dụng: Hội đồng thi, các Vụ, Cục thuộc Cơ quan Bộ Tài chính và thí sinh tham dự các kỳ thi (khoản 2).* Đồng thời, căn cứ ban hành Quy chế 1486 không gồm các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan và thực tế đối với kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đã thực hiện trước đây, Hội đồng thi của Tổng cục Hải quan nay là Cục Hải quan không lập dự toán thu, chi tổ chức kỳ thi trình Bộ trưởng Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế 1486.

Do đó, **đề nghị Cục Hải quan căn cứ quy định hiện hành về việc tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan** (Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015, Quy chế tổ chức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan) **để tổ chức triển khai thực hiện, xác định mức thu phí dự thi kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo thẩm quyền quy định** (dự toán chi NSNN năm 2025 Bộ đã giao cho Cục Hải quan không có nội dung chi tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan). **Trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện (nếu có), đề nghị Cục Hải quan chủ trì nghiên cứu, tham mưu trình Bộ xem xét sửa đổi Thông tư số 12/2015/TT-BTC cho phù hợp theo quy định”**.

(ii) Qua nghiên cứu quy định pháp luật, thực tế triển khai tại các đơn vị có tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính (ví dụ: *chứng chỉ kế toán, kiểm toán do Cục Kế toán Kiểm toán thực hiện; việc cấp chứng chỉ giá do Cục quản lý giá thực hiện; chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm*

² Việc tổ chức thi trên máy tính tạo được sự minh bạch, khách quan và phù hợp với thực tế chung hiện nay nên cần tiếp tục thực hiện thay vì tổ chức theo hình thức thi trên giấy như trước đây.

thủ tục về thuế do Cục Thuế thực hiện), để đảm bảo kinh phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, Cục Hải quan đề xuất bổ sung khoản 10 Điều 3 của Thông tư số 12/2015/TT-BTC quy định về chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo hướng người dự thi phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi. Hội đồng thi xây dựng dự toán và tổ chức kỳ thi theo nguyên tắc lấy thu bù chi và dự toán phải được Cục Hải quan phê duyệt. Nội dung quy định tương tự quy định tại Điều 6 Thông tư số 10/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Cụ thể như sau:

“10. Chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

a. Người dự thi phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi. Chi phí dự thi được nộp bằng tiền mặt hoặc thông qua thanh toán điện tử theo hướng dẫn của Hội đồng thi. Trường hợp người dự thi đã nộp chi phí dự thi nhưng bỏ thi thì không được hoàn trả lại khoản chi phí đã nộp.

b. Hội đồng thi xây dựng dự toán chi phí tổ chức kỳ thi đúng quy định theo nguyên tắc lấy thu bù chi. Dự toán chi phí tổ chức thi phải được Cục Hải quan phê duyệt.

c. Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ tình hình thực tế ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức kỳ thi.”

3. Ngoài ra, tại dự thảo còn có các nội dung sửa đổi về mặt câu chữ, kỹ thuật quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC, Thông tư số 22/2019/TT-BTC, bãi bỏ một điều khoản, thông tư có liên quan, cụ thể:

a) Thay thế các cụm từ để đảm bảo đúng tên theo mô hình bộ máy mới.

b) Nội dung bãi bỏ: Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành do Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC sửa đổi bổ sung 03 biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC và 03 biểu mẫu này được tiếp tục sửa đổi tại dự thảo Thông tư này.

VI. Về hiệu lực thi hành:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 (Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, cụ thể: Thời điểm có hiệu lực toàn bộ Thông tư là 45 ngày kể từ ngày ban hành hoặc từ 01/5/2026 (là thời điểm Cục Hải quan có thể khai thác được dữ liệu từ Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an chia sẻ).

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Nguồn nhân lực

- Công chức thuộc các Bộ, ngành liên quan đến việc thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

- Công chức hải quan các cấp.

- Cán bộ, công nhân viên của các doanh nghiệp tham gia hoạt động vận chuyển hàng hóa, xuất nhập khẩu hàng hóa, kinh doanh kho bãi,...

Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư không phát sinh nguồn nhân lực, thực hiện theo đúng chủ trương tinh giản biên chế của Chính phủ tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ.

2. Nguồn tài chính

Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư không phát sinh thêm nguồn lực từ ngân sách nhà nước.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, Cục Hải quan xin báo cáo và trình Lãnh đạo Bộ duyệt ký, ban hành Thông tư.

Hồ sơ trình kèm:

(i) Dự thảo tờ trình Bộ Tài chính;

(ii) Dự thảo Thông tư;

(iii) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

(iv) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư;

(v) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Âu Anh Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI BỐ SUNG THÔNG TƯ SỐ 12/2015/TT-BTC;
THÔNG TƯ SỐ 22/2019/TT-BTC VÀ THÔNG TƯ SỐ 79/2022/TT-BTC VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
HIỆN HÀNH**

Quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC và Thông tư số 79/2022/TT-BTC	DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
Điều 3. Thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan 2. Đăng ký dự thi Người dự thi đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để Tổng cục Hải quan làm căn cứ tổ chức thi. 3. Thời gian, địa điểm thi a) Việc thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được tổ chức ít nhất một năm một lần; có thể tổ chức thi theo khu vực, địa phương	Điều 1. Sửa đổi một số khoản của Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau: 1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau: “2. Đăng ký dự thi Người dự thi đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan để Cục Hải quan làm căn cứ tổ chức thi.” 2. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 như sau: “b) Thông tin về thời gian, địa điểm	1. Sửa đổi tên gọi đơn vị hành chính, chức danh quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 8 Điều 3 cho phù hợp với tên gọi đơn vị và chức danh sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy; đồng thời đẩy mạnh việc thực hiện điện tử hóa trên Cổng thông tin điện tử; bỏ việc niêm yết các thông báo (kế hoạch thi, danh sách các thí sinh đủ điều kiện dự thi) tại trụ sở hải quan địa phương. 2. Sửa đổi điểm b khoản 9 Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC

đảm bảo số lượng người đăng ký dự thi.	nộp hồ sơ; thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi được Cục Hải quan thông báo chính thức trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan và gửi qua hộp thư điện tử của người đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan chậm nhất là 60 ngày trước ngày thi.	ngày 16/4/2019 nhằm triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, theo đó, nội dung sửa đổi bao gồm:
b) Thông tin về thời gian, địa điểm nộp hồ sơ; thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi được Tổng cục Hải quan thông báo chính thức trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố; báo Hải quan điện tử; niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố và gửi qua hộp thư điện tử của người đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan chậm nhất là 60 ngày trước ngày thi.		- Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 30 ngày thành 21 ngày. - Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy mới.
4. Nộp hồ sơ dự thi		
a) Trong thời gian thông báo nêu tại khoản 3 Điều này, người dự thi phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi thuận tiện do người dự thi lựa chọn và phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành tại nơi nộp hồ sơ đăng ký dự thi.	3. Sửa đổi khoản 4 Điều 3 như sau: “4. Nộp hồ sơ dự thi a) Trong thời gian thông báo nêu tại khoản 3 Điều này, người dự thi phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi và phải nộp lệ phí thi theo thông báo của Hội đồng thi. b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký dự thi, Cục Hải quan lập danh sách và công bố danh sách người đủ điều kiện dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan để người dự thi biết.”	3. Bổ sung khoản 10 Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện đề giải quyết vướng mắc khi tổ chức thực hiện sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.
b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký dự thi, Cục Hải quan tỉnh, thành phố lập danh sách người dự thi đủ điều kiện dự thi kèm hồ sơ đăng ký dự thi và lệ phí dự thi gửi về Tổng cục Hải quan để tổng hợp và công bố danh sách người đủ điều kiện dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để người dự thi biết.		Từ năm 2011 đến năm 2018, Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo hình thức thi trắc nghiệm kết hợp tự luận trên giấy. Từ năm 2019 đến năm 2024, căn cứ chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc và trực thuộc, Tổng cục Hải quan giao Trường Hải quan Việt Nam chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu và tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Trong 05
5. Tổng cục Hải quan xây dựng quy chế thi,		

thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc theo cụm bao gồm một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố để tạo thuận lợi cho người dự thi. 8. Hình thức thi: Thi viết; trắc nghiệm; thực hành trên máy tính hoặc kết hợp giữa các hình thức thi trên. Căn cứ vào hình thức thi, Tổng cục Hải quan quy định thời gian làm bài thi, nhưng không quá 120 phút/môn thi.	4. Sửa đổi khoản 5 Điều 3 như sau: “5. Cục Hải quan xây dựng quy chế thi, thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi tại các Chi cục hải quan khu vực hoặc theo cụm bao gồm một số Chi cục hải quan khu vực để tạo thuận lợi cho người dự thi.”	năm thực hiện nhiệm vụ, Trường Hải quan Việt Nam đã tổ chức 10 kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính. Theo đó, Trường Hải quan Việt Nam đã sử dụng cơ sở vật chất của Trường (địa điểm, phòng học, hệ thống máy tính, phần mềm tự phát triển) để tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ hải quan; chỉ phí tổ chức kỳ thi được vận dụng theo Quyết định số 1486/QĐ-BTC ngày 16/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức các kỳ thi tuyển dụng, nâng ngạch cán bộ, công chức và thi cấp chứng chỉ của Bộ Tài chính. Các thí sinh dự thi nộp lệ phí khi đăng ký dự thi theo mức 200.000 đồng/ 1 môn thi; mức lệ phí này được áp dụng từ năm 2011 đến nay.
9. Kết quả thi b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.	5. Sửa đổi khoản 8 Điều 3 như sau: “8. Hình thức thi: Thi viết; trắc nghiệm; thực hành trên máy tính hoặc kết hợp giữa các hình thức thi trên. Căn cứ vào hình thức thi, Cục Hải quan quy định thời gian làm bài thi, nhưng không quá 120 phút/môn thi.”	Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, Trường Hải quan Việt Nam không còn trong cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan mà được sáp nhập với Trường Bồi dưỡng cán bộ kinh tế - tài chính.
Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan,	“b) Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Cục trưởng Cục Hải quan thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Trường hợp không đồng ý với kết	Theo đó, nhiệm vụ tham mưu tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan của Cục Hải quan được phân công cho đơn vị khác thuộc Cục. Tuy

người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Tổng cục Hải quan trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu của bưu chính nơi gửi. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng thi và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi. Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.	quả thi do Cục trưởng Cục Hải quan thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Cục Hải quan trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu của bưu chính nơi gửi. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng thi và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Cục trưởng Cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.” 2. Bổ sung khoản 10 Điều 3 như sau: “10. Chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan a. Người dự thi phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi. Chi	nhiên, đơn vị thuộc Cục Hải quan không có cơ sở vật chất (địa điểm, hệ thống máy tính, phần mềm), khi tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan thì sẽ phải thuê cơ sở vật chất và phần mềm thi trên máy tính¹; theo đó, với mức lệ phí thi 200.000 đồng/ môn thi như trước thì không đủ chi phí để tổ chức kỳ thi (do chi phí để thuê phần mềm và địa điểm có máy tính tương đối cao); Nguồn NSNN giao cho Cục Hải quan hàng năm không bao gồm chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Qua nghiên cứu quy định pháp luật, thực tế triển khai tại các đơn vị có tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính (ví dụ: chứng chỉ kế toán, kiểm toán do Cục Kế toán Kiểm toán thực hiện; việc cấp chứng chỉ giá do Cục quản lý giá thực hiện; chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Cục Thuế thực hiện), đề đảm bảo kinh phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, Cục Hải quan đề xuất bổ sung khoản 10 Điều
---	---	--

¹ Việc tổ chức thi trên máy tính tạo được sự minh bạch, khách quan và phù hợp với thực tế chung hiện nay nên cần tiếp tục thực hiện thay vì tổ chức theo hình thức thi trên giấy như trước đây.

	phí dự thi được nộp bằng tiền mặt hoặc thông qua thanh toán điện tử theo hướng dẫn của Hội đồng thi. Trường hợp người dự thi đã nộp chi phí dự thi nhưng bỏ thi thì không được hoàn trả lại khoản chi phí đã nộp. b. Hội đồng thi xây dựng dự toán chi phí tổ chức kỳ thi đúng quy định theo nguyên tắc lấy thu bù chi. Dự toán chi phí tổ chức thi phải được Cục Hải quan phê duyệt. c. Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ tình hình thực tế ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức kỳ thi.”	3 quy định về Chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo hướng người dự thi phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi. Hội đồng thi xây dựng dự toán và tổ chức kỳ thi theo nguyên tắc lấy thu bù chi và dự toán phải được Cục Hải quan phê duyệt. Nội dung quy định trong tự quy định tại Điều 6 Thông tư số 10/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.
Điều 4. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan 2. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03 ban hành kèm Thông tư này.	Điều 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau: “2. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên Công thông tin điện tử của Cục	1. Sửa đổi tên gọi đơn vị hành chính, chức danh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 cho phù hợp với tên gọi đơn vị và chức danh sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy; 2. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 nhằm triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có Đơn đề nghị theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Tổng cục Hải quan và gửi kèm 01 ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ có ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau của ảnh. b.2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan kiểm tra thông tin về hồ sơ cán bộ lưu giữ tại Tổng cục Hải quan, đối chiếu với điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này để xem xét việc cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện. c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được sử dụng để cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này.	Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03 ban hành kèm Thông tư này. b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan gửi hồ sơ để nghỉ cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Hồ sơ bao gồm: - Đơn đề nghị theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này - Quyết định tuyên dụng công chức: 01 bản sao công chứng. - Quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc xếp chuyển ngạch hoặc Quyết định nâng bậc lương có thể hiện ngạch công chức đáp ứng quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều này: 01 bản sao công chứng. - Quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc: 01 bản sao công chứng. - 01 ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ có ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau của ảnh.	hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, theo đó, nội dung sửa đổi bao gồm: - Giám thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày thành 03 ngày. Tuy nhiên, để giảm được thời gian thực hiện thủ tục hành chính này thì cần thiết phải yêu cầu bổ sung thêm chứng từ trong bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính do hiện nay để có cơ sở cấp chứng chỉ, đơn vị tham mưu phải thực hiện xác minh tại đơn vị công tác trước khi công chức nghỉ hưu, nghỉ việc. Để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính (rút ngắn 02 ngày so với hiện hành) thì cần thiết phải giảm bước thực hiện (bước xác minh thông tin tại đơn vị công tác trước đây của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ), do vậy, Cục Hải quan đề xuất bổ sung quy định cả nhân cùng cấp thêm một số chứng từ nhằm xác định đủ điều kiện được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Theo đó, dự kiến sẽ phải bổ sung thêm 03 loại chứng từ khi thực hiện thủ tục hành chính này để đủ cơ sở thông tin cho việc kiểm tra xác định điều kiện được thực hiện ngay mà không phải thực hiện xác minh. Việc xác minh sẽ
---	--	--

	b.2) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hải quan kiểm tra thông tin về hồ sơ cán bộ lưu giữ tại Cục Hải quan, đối chiếu với điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này để xem xét việc cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03A ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện.”	được thực hiện sau khi cấp chứng chỉ nếu cần thiết. - Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy mới. - Bổ sung mẫu chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan dành riêng cho công chức hải quan đã nghỉ hưu, nghỉ việc (khác phần căn cứ cấp chứng chỉ so với các cá nhân được cấp chứng chỉ theo kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan).
Điều 6. Công nhận đại lý làm thủ tục hải quan 1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan. Hồ sơ gồm: a) Văn bản đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 04 ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính; b) Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ	Điều 3. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau: 1. Sửa đổi khoản 2, khoản 2 Điều 6 như sau: “1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ gồm: a) Văn bản đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải	1. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 nhằm triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, theo đó, nội dung sửa đổi bao gồm: - Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày thành 03 ngày. - Cắt giảm chứng từ thuộc bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính (giảm 02 mẫu văn bản đề nghị thành 01 văn bản đề nghị; tùy theo thủ tục hành chính, bộ hồ

ngày nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 05 ban hành kèm Thông tư này, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này và cấp nhật vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan. Trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời doanh nghiệp. 	quan theo Mẫu số 04 ban hành kèm <i>Thông tư này: 01 bản chính.</i> <i>b) Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này.</i> 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 05 ban hành kèm Thông tư này, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, <i>trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và cấp nhật vào Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.</i> 2. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau: “4. Khi thay đổi tên, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị gửi Cục Hải quan để sửa đổi trên Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan và cấp nhật vào Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.”	sơ có thể được cắt giảm từ 01-05 (trên tổng số 02-07) loại chứng từ; - Thay đổi phương thức thực hiện thủ tục hành chính từ 02 phương thức (hồ sơ giấy qua bộ phận 1 của Cục Hải quan + dịch vụ công trực tuyến) thành 01 phương thức dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và trả kết quả điện tử. - Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy mới.
4. Khi thay đổi tên, địa chỉ, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị kèm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư gửi Tổng cục Hải quan để sửa đổi trên Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan và cấp nhật vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.	2. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau: “4. Khi thay đổi tên, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị gửi Cục Hải quan để sửa đổi trên Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan và cấp nhật vào Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.”	2. Sửa đổi tên đơn vị hành chính tại khoản 4 Điều 6 cho phù hợp với tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp.
Điều 7. Tạm dừng, chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Điều 4. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 và điểm b1, điểm c khoản 2	Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số

1. Tạm dừng hoạt động b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn tối đa 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này theo Mẫu số 06A ban hành kèm Thông tư này. Trường hợp Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm quy định tại tiết a.1, tiết a.2 và tiết a.3 điểm a khoản này thì báo cáo Tổng cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này. Trường hợp đại lý làm thủ tục Hải quan đề nghị tạm dừng hoạt động thì có công văn gửi Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 12 ban hành kèm Thông tư này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan. c) Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan khắc phục và có công văn đề nghị tiếp tục hoạt động gửi Tổng cục Hải quan thì trong	Điều 7 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau: 1. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 như sau “b) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn tối đa 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này theo Mẫu số 06A ban hành kèm Thông tư này. Trường hợp Chi cục Hải quan khu vực trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm quy định tại tiết a.1, tiết a.2 và tiết a.3 điểm a khoản này thì báo cáo Cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này. Trường hợp đại lý làm thủ tục Hải quan đề nghị tạm dừng hoạt động thì có công văn gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo Mẫu số 04 ban hành kèm Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Chi cục	12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 nhằm triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, theo đó, nội dung sửa đổi bao gồm: - Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày thành 03 ngày. Thay đổi mẫu văn bản đề nghị thực hiện thủ tục hành chính - Thay đổi phương thức thực hiện thủ tục hành chính từ 02 phương thức (hồ sơ giấy qua bộ phận 1 cửa của Cục Hải quan + dịch vụ công trực tuyến) thành 01 phương thức dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và trả kết quả điện tử. - Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy mới.
---	---	--

thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện kiểm tra, xác minh điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp và ban hành quyết định cho phép đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động theo Mẫu 06B ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do nếu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.	Hải quan khu vực, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan. c) Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan khác phục và có công văn đề nghị tiếp tục hoạt động gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức thực hiện kiểm tra, xác minh điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp và ban hành quyết định cho phép đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động theo Mẫu 06B ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do nếu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.”	
2. Chấm dứt hoạt động 	2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 7 như sau: a. Sửa đổi, bổ sung điểm b.1 khoản 2 như sau:	
b.1) Đối với các trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.3 và tiết a.6 điểm a khoản này, trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra, phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, cơ quan Hải quan các cấp báo cáo Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt	“b.1) Đối với các trường hợp quy	

hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này. Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Đối với trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.4 và tiết a.5 điểm a khoản này, khi phát hiện vi phạm thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này.	định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.3 và tiết a.6 điểm a khoản này, trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra, phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, cơ quan Hải quan các cấp báo cáo Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này. Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.	
c) Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị chấm dứt hoạt động thì có công văn gửi Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.	Đối với trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.4 và tiết a.5 điểm a khoản này, khi phát hiện vi phạm thì Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này.”	
	b. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:	
	“c) Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị chấm dứt hoạt động thì có công văn gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan, Cục trưởng Cục	

	<i>Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.</i>	
Điều 8. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan 2. Các đối tượng không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan: ... c) Người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Thuế hoặc Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định xử phạt;	Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau: “c) Người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực hoặc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định xử phạt;”	- Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy mới.
Điều 9. Thủ tục cấp và gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan 1. Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm: a) Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 07 ban hành kèm Thông tư này; 01 bản chính; b) Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thuộc	Điều 6. Sửa đổi Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau: “Điều 9. Thủ tục cấp và gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan 1. Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ	Sửa đổi Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 nhằm triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-BTC, theo đó, nội dung sửa đổi bao gồm:

các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 bản chụp; c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: 01 bản chụp. Trường hợp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì nộp bổ sung 01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều này. d) Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành: 01 bản chụp; đ) Một (01) ảnh màu 2x3cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Các chứng từ trong hồ sơ cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này là chứng từ của từng nhân viên thuộc danh sách đề nghị cấp mã số. Các chứng từ bản chụp phải được người đại diện theo pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận hoặc do cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực.	sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm: a) Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 07 ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính; b) Bảng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 bản chụp; c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: 01 bản chụp. Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp sau năm 2019 thì không phải nộp chứng từ này. Trường hợp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì trên mẫu đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải khai thông tin giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều này. d) Các chứng từ trong hồ sơ cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này là chứng từ của từng nhân viên	- Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày thành 03 ngày; từ 03 ngày thành 02 ngày. Thay đổi mẫu văn bản đề nghị thực hiện thủ tục hành chính - Cắt giảm chứng từ thuộc bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính; tùy theo thủ tục hành chính, bộ hồ sơ có thể được cắt giảm từ 01-04 (trên tổng số 02-05) loại chứng từ; - Thay đổi phương thức thực hiện thủ tục hành chính từ 02 phương thức (hồ sơ giấy qua bộ phận 1 cửa của Cục Hải quan + dịch vụ công trực tuyến) thành 01 phương thức dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và trả kết quả điện tử. - Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy mới.
--	---	---

2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gửi đến Tổng cục Hải quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 08 ban hành kèm Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời doanh nghiệp. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng của người được cấp và có giá trị trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn trên, để tiếp tục làm nhân viên đại lý hải quan thì đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này. 3. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau: a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư này; a.2) Đã tham gia khóa đào tạo bổ sung kiến	thuộc danh sách đề nghị cấp mã số. Các chứng từ phải đảm bảo đúng quy định về giao dịch điện tử (tính toàn vẹn thông tin và khuôn dạng chứng từ), được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp đối với từng chứng từ. 2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gửi đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục trưởng Cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp không đủ điều kiện thì có trả lời doanh nghiệp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	
3. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau: a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư này; a.2) Đã tham gia khóa đào tạo bổ sung kiến	Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng của người được cấp và có giá trị trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn trên, để tiếp tục làm nhân viên đại lý hải quan thì đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này. 3. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	

thực pháp luật hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày) do Trường Hải quan Việt Nam hoặc các trường cao đẳng, đại học, học viện có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương trình đào tạo với Tổng cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức hiện cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho Tổng cục Hải quan về danh sách học viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học để phối hợp thực hiện các thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.	a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau: a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư này; a.2) Đã tham gia khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày) do các trường cao đẳng, đại học, học viện có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức thực hiện cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho Cục Hải quan về danh sách học viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bao gồm các chỉ tiêu thông tin theo yêu cầu của Cục Hải quan để phối hợp thực hiện các thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. b) Trước khi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hết thời gian sử dụng, Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý
b) Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan, gồm: Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 07A ban hành kèm theo Thông tư này; 01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; 01 ảnh màu 2x3cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân khi có thay đổi thông tin về chứng	

minh nhân dân hoặc cần cuộc công dân đã nộp tại hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Các chứng từ ban chụp do người đại diện theo pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận hoặc do cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục Hải quan hoặc có văn bản trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện.

Thời gian gia hạn là 03 năm kể từ ngày gia hạn.

4. Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp:

a.1) Thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị mất và được đại lý làm thủ tục hải quan xác nhận tại Đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

a.2) Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi

làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, gồm: Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp có thay đổi thông tin về số căn cước công dân đã nộp tại hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì khai bổ sung thông tin thay đổi về số căn cước công dân trên mẫu đơn số 07.

Các chứng từ phải đảm bảo đúng quy định về giao dịch điện tử (tính toàn vẹn thông tin và không dạng chứng từ), được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp đối với từng chứng từ.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục Hải quan hoặc trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Thời gian gia hạn là 03 năm kể từ ngày gia hạn.

4. Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp lại mã số nhân viên đại lý

tên đăng ký kinh doanh; a.3) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; b) Đại lý làm thủ tục Hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan, gồm: Đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 01B ban hành kèm theo Thông tư này; 01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và 01 ảnh màu 2x3cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân khi có thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân đã nộp tại hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc có văn bản trả lời đại lý làm thủ tục hải	làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp: a.1) Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh; a.2) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân; b) Đại lý làm thủ tục hải quan có đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	
---	--	--

quan đối với trường hợp không đủ điều kiện. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được thay đổi theo số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị cấp lại mã số.	c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được thay đổi theo số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị cấp lại mã số.”	
Điều 10. Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan 1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp trong các trường hợp sau: a) Nhân viên đại lý làm thủ tục Hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; b) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;	Điều 7. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau: “1. Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp trong các trường hợp sau:	1. Sửa đổi khoản 1 Điều 10: Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp. 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 nhằm triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2421/QĐ-

sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan; c) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp để làm thủ tục Hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục Hải quan; d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện cấp mã số mới theo quy định tại Thông tư này; đ) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động; e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số thuộc trường hợp này phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.	a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; b) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan; c) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện cấp mã số mới theo quy định tại Thông tư này;	BTC, theo đó, nội dung sửa đổi bao gồm: - Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày thành 03 ngày. Thay đổi mẫu văn bản đề nghị thực hiện thủ tục hành chính - Thay đổi phương thức thực hiện thủ tục hành chính từ 02 phương thức (hồ sơ giấy qua bộ phận 1 cửa của Cục Hải quan + dịch vụ công trực tuyến) thành 01 phương thức dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và trả kết quả điện tử. - Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy mới.
---	---	---

3. Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện như sau: a) Đại lý làm thủ tục hải quan có Đơn đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo Mẫu số 07C ban hành kèm theo Thông tư này đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh. b) Trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, Cục hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan đề thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này. c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc thông báo của các cơ quan quản lý nhà nước khác, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định	Thông tư này; đ) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động; e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số thuộc trường hợp này phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau: “3. Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện như sau: a) Đại lý làm thủ tục hải quan có Đơn đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo Mẫu số 07C ban hành kèm theo Thông tư này đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Đơn đề nghị được gửi đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh trường hợp phải thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. b) Trong quá trình quản lý hoặc khi	
--	--	--

thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.	kiểm tra phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, Chi cục Hải quan khu vực báo cáo Cục Hải quan đề thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này. c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Chi cục Hải quan khu vực hoặc thông báo của các cơ quan quản lý nhà nước khác, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp ban hành quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan thì trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp ban hành quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo đề nghị của Chi cục Hải quan khu vực hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác thì gửi quyết định thu hồi mã số cho đại lý làm thủ tục hải quan qua bưu chính.”	
Điều 11. Quyền và trách nhiệm của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan ...	Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài	Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp.

4. Đề nghị Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không thông báo.	chính như sau: “4. Đề nghị Cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không thông báo.”	
Điều 12. Quản lý và sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan 1. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp sẽ được cấp nhất vào hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan. Trường hợp việc khai hải quan thực hiện bằng phương thức điện tử, cơ quan hải quan sẽ cấp tên người sử dụng và mật khẩu cho người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để truy cập vào hệ thống. Người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin do cơ quan hải quan cung cấp. Khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải xuất trình mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.	Điều 9. Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 12 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau: “1. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được Cục trưởng Cục Hải quan cấp sẽ được cấp nhất vào hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan. Trường hợp việc khai hải quan thực hiện bằng phương thức điện tử, cơ quan hải quan sẽ cấp tên người sử dụng và mật khẩu cho người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để truy cập vào hệ thống. Người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin do cơ quan hải quan cung cấp. Khi thực hiện các thủ	Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp.

	Điều 13. Quyền, trách nhiệm của Đại lý làm thủ tục hải quan 1. <i>Quản lý, sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để tiến hành các công việc khai báo và làm thủ tục hải quan trong phạm vi được chủ hàng ủy quyền; Chịu trách nhiệm về việc giới thiệu, đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; đăng ký thông tin mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan vào hệ thống xử lý dữ liệu hải quan kết nối hải quan điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.</i>	tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải xuất trình mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.”	Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp.
Điều 13. Quyền, trách nhiệm của Đại lý làm thủ tục hải quan 1. <i>Quản lý, sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để tiến hành các công việc khai báo và làm thủ tục hải quan trong phạm vi được chủ hàng ủy quyền; Chịu trách nhiệm về việc giới thiệu, đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; đăng ký thông tin mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan vào hệ thống xử lý dữ liệu hải quan kết nối hải quan điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.</i> 5. Thông báo cho Tổng cục Hải quan thực	Điều 10. Sửa đổi bổ sung khoản 1, khoản 5, khoản 9 Điều 13 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau: 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 13 như sau: “1. <i>Quản lý, sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để tiến hành các công việc khai báo và làm thủ tục hải quan trong phạm vi được chủ hàng ủy quyền; Chịu trách nhiệm về việc giới thiệu, đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; đăng ký thông tin mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan vào hệ thống xử lý dữ liệu hải quan kết nối hải quan điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.</i>”		

hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động. 9. Đại lý làm thủ tục hải quan có trách nhiệm: a) Định kỳ vào ngày 05 của tháng đầu quý sau, báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 10 ban hành kèm Thông tư này gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý địa bàn đăng ký kinh doanh. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không báo cáo đúng thời hạn quy định sẽ bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan. b) Báo cáo, đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh.	2. Sửa đổi khoản 5 Điều 13 như sau: “5. Thông báo cho Cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động.” 3. Sửa đổi khoản 9 Điều 13 như sau: “9. Đại lý làm thủ tục hải quan có trách nhiệm: a) Định kỳ vào ngày 05 của tháng đầu quý sau, báo cáo tình hình hoạt động, đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 10 ban hành kèm Thông tư này gửi Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa bàn đăng ký kinh doanh. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không báo cáo đúng thời hạn quy định sẽ bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan. b) Báo cáo, đề nghị Cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử đối với các trường hợp quy định tại khoản 1	
---	---	--

	Điều 10 Thông tư này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh.”	
Điều 15. Quyền, trách nhiệm của cơ quan hải quan 5. Xây dựng chương trình, tài liệu, đề cương ôn tập của các môn thi quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan; Tổ chức thi và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho người dự thi. ... 7. Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan các thông tin bao gồm: a) Kết quả kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan b) Danh sách doanh nghiệp được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp mã số; Danh sách đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động; nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ, bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.	Điều 11. Sửa đổi bổ sung khoản 5, khoản 7, khoản 9, khoản 10 Điều 15 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau: 1. Sửa đổi khoản 5 Điều 15 như sau: “5. Xây dựng chương trình, tài liệu, đề cương ôn tập của các môn thi quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan; Tổ chức thi và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho người dự thi.” 2. Sửa đổi khoản 7 Điều 15 như sau: “7. Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan các thông tin bao gồm: a) Kết quả kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan b) Danh sách doanh nghiệp được	Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp.

Nội dung đăng tải gồm: Tên đại lý làm thủ tục hải quan, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế, năm thành lập, số điện thoại, người đại diện theo pháp luật, danh sách nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, mã số nhân viên và các thông tin cần thiết khác có liên quan.

...

9. Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý khi phát sinh các nội dung báo cáo tại điểm 2, điểm 3, điểm 4 và điểm 5 Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Tổng cục Hải quan để tổng hợp theo dõi vào trước ngày 10 của tháng đầu quý sau hoặc khi phát hiện đại lý làm thủ tục hải quan vi phạm quy định tại Thông tư này.

10. Ngay sau khi tờ khai hải quan được đăng ký trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan hải quan cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan cho đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng trong trường hợp chủ hàng hóa có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban

công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp mã số; Danh sách đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động; nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ, bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Nội dung đăng tải gồm: Tên đại lý làm thủ tục hải quan, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế, năm thành lập, số điện thoại, người đại diện theo pháp luật, danh sách nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, mã số nhân viên và các thông tin cần thiết khác có liên quan.”

3. Sửa đổi khoản 9 Điều 15 như sau:

“9. Chi cục Hải quan khu vực tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý khi phát sinh các nội dung báo cáo tại điểm 2, điểm 3, điểm 4 và điểm 5 Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan để tổng hợp theo dõi vào trước ngày 10 của tháng đầu quý sau hoặc khi phát hiện đại lý làm thủ tục hải quan vi phạm quy định tại Thông tư này.”

4. Sửa đổi khoản 10 Điều 15 như sau:

hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan hải quan và doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	“10. Ngay sau khi tờ khai hải quan được đăng ký trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan hải quan cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan cho đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng trong trường hợp chủ hàng hóa có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Cục trưởng Cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan hải quan và doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.”	
Điều 18. Tổ chức thực hiện 1. Cơ quan hải quan các cấp chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn nội dung Thông tư này tới chủ hàng và đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý 2. Tổ chức, cá nhân, đại lý làm thủ tục hải quan thuộc đối tượng điều chỉnh này.	Điều 12. Sửa đổi bổ sung Điều 18 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 như sau: “Điều 18. Tổ chức thực hiện 1. Cơ quan hải quan các cấp chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn nội dung Thông tư này tới chủ hàng và đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý 2. Tổ chức, cá nhân, đại lý làm thủ tục hải quan thuộc đối tượng điều chỉnh	Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.	của Thông tư này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính (Cục Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.”	
	Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 như sau: 1. Thay thế Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 79/2022/TT-BTC bằng Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Bổ sung Mẫu số 03A ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Thay thế Mẫu số 05, mẫu số 09 được ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC bằng Mẫu số 05, Mẫu	Sửa đổi tên cơ quan, chức danh cho phù hợp với Tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp tại các biểu mẫu văn bản đã ban hành tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC và Thông tư số 22/2019/TT-BTC nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khai thác thực hiện.

	số 09 ban hành kèm theo Thông tư này 4. Thay thế Mẫu số 04, Mẫu số 06, Mẫu số 06A, Mẫu số 06B, Mẫu số 07, Mẫu số 07C, Mẫu số 10, Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC bằng Mẫu số 04, Mẫu số 06, Mẫu số 06A, Mẫu số 06B, Mẫu số 07, Mẫu số 07C, Mẫu số 10, Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. 5. Bãi bỏ các biểu mẫu: Mẫu số 07A, mẫu số 07B, mẫu số 08, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019.	
	Điều 14. Điều khoản thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng ... năm 2025. 2. Thông tư này bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành. 3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư	1. Thời gian hiệu lực thi hành: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 (Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật) Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, cụ thể: Thời điểm có hiệu lực toàn bộ Thông tư là 45 ngày kể từ ngày ban hành hoặc từ 01/5/2026 (là thời điểm Cục Hải quan có thể khai thác được dữ liệu từ Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an chia sẻ).

	này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. 4. Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý./.	2. Thông tư bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính do Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC sửa đổi 03 biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC và 03 biểu mẫu này được sửa đổi tại dự thảo Thông tư này
--	---	---

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, BẢO ĐẢM BÌNH DẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 12/2015/TT-BTC QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỦ TỤC CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN; CẤP VÀ THU HỒI MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG NHẬN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 22/2019/TT-BTC, THÔNG TƯ SỐ 79/2022/TT-BTC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Cục Hải quan đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính dự kiến tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (gọi tắt là dự thảo Thông tư). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC, Thông tư số 22/2019/TT-BTC và Thông tư số 79/2022/TT-BTC:

a) Ngày 06/12/2024, Ban chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ban hành kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Theo đó đến nay Bộ Tài chính đã hoàn thiện việc rà soát, xây dựng sắp xếp tổ chức bộ máy của các Tổng cục, trong đó bao gồm việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới của Tổng cục Hải quan.

b) Ngày 24/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính theo đó sắp xếp, tổ chức lại Tổng cục Hải quan thành Cục Hải quan, mô hình hoạt động của Cục Hải quan gồm 03 cấp: Cục Hải quan, Chi cục Hải quan khu vực và Hải quan cửa khẩu/ Hải quan ngoài cửa khẩu.

c) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà*

nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực;... Để triển khai thực hiện, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

d) Nghị quyết 59-NQ/TW, Nghị Quyết 66-NQ/TW yêu cầu cắt giảm thủ tục hành chính, tăng cường chuyển đổi số, sửa đổi thẩm quyền theo mô hình mới, thực hiện phân cấp, phân quyền địa phương và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và đổi mới công tác xây dựng pháp luật đáp ứng giải quyết nhanh chóng các vướng mắc cho doanh nghiệp trong thực tiễn.

đ) Nghị Quyết 66/NQ-CP ngày 26/03/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

e) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: *“Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”*

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung.

- Sửa đổi và đơn giản hoá thủ tục hành chính, đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính tại các Nghị quyết nêu trên.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính:

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung 10 TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

1.1. Thủ tục thi cấp chứng chỉ khai hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Bổ sung quy định về kinh phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan để bổ sung cơ sở pháp lý, giải quyết vướng mắc khi tổ chức thực hiện sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Đảm bảo công tác tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan phù hợp với tình hình thực tế, rút ngắn thời hạn công bố kết quả thi tạo điều kiện thuận lợi cho người dự thi.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Chi phí tuân thủ TTHC: (chi tiết trong Phụ lục kèm theo)

1.2. Thủ tục thi cấp chứng chỉ khai hải quan cho công chức về hưu hoặc thôi việc:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục thi cấp chứng chỉ khai hải quan cho công chức về hưu hoặc thôi việc, rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục tạo điều kiện thuận lợi cho người đề nghị.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Chi phí tuân thủ TTHC: (chi tiết trong Phụ lục kèm theo)

1.3. Thủ tục tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cá nhân đề nghị.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo)

- Chi phí tuân thủ TTHC: (chi tiết trong Phụ lục kèm theo)

1.4. Thủ tục chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

1.5. Thủ tục tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

1.6. Thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm chứng từ (Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (*Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp sau năm 2019*), giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, ảnh thẻ), cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

1.7. Thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm chứng từ (giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, ảnh thẻ), cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

1.8. Thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm chứng từ (Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (*Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp sau năm 2019*), giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, ảnh thẻ), cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

1.9. Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm chứng từ (thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan), cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã được tính chi phí tuân thủ TTHC: (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

1.10. Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Quy định thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nhằm đảm bảo tính minh bạch đồng thời cắt giảm chứng từ (Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (*Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp sau năm 2019*), giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, ảnh thẻ), cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: Thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

2. Việc phân quyền, phân cấp:

Dự thảo Thông tư không phát sinh Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung về phân quyền, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính.

